

- Xây dựng giải pháp thu hút người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư; Người có học vị Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II; Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ y học, Bác sĩ nội trú; Thu hút Bác sĩ đa khoa hệ chính quy tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục trên cả nước về công tác tại tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ cán bộ y tế trình độ chuyên môn cao để giữ chân nguồn nhân lực có chất lượng.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo sau đại học và hỗ trợ đào tạo sau đại học cho cán bộ y tế.

2.5. Tăng cường hợp tác y tế quốc tế, trong nước

Đẩy mạnh hợp tác chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo chất lượng cao và hợp tác trao đổi chuyên gia kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phát triển một số lĩnh vực chuyên sâu, đặc biệt là với Bệnh viện Bạch Mai. Tăng cường hợp tác với các trường Đại học trong nước, các hiệp hội Y khoa trong đào tạo, chuyển giao công nghệ mới. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế, phi chính phủ triển khai các hoạt động nhân đạo vì sức khỏe cộng đồng.

2.6. Tăng cường hoạt động chỉ đạo tuyến

- Tăng cường hợp tác đào tạo, triển khai các kỹ thuật tiên tiến về các chuyên ngành kỹ thuật theo Đề án được phê duyệt.

- Duy trì các hoạt động KCB từ xa, hội thảo, hội nghị chuyên môn; thông tin hai chiều giữa các đơn vị tuyến Trung ương với các đơn vị triển khai các kỹ thuật cao, nhằm tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn.

- Lồng ghép với các hoạt động đào tạo, chỉ đạo tuyến để triển khai kỹ thuật cao có hiệu quả và bền vững.

2.7. Tăng cường công tác truyền thông

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, đa dạng hóa các phương thức và loại hình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, khám bệnh, điều trị.

Thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ trương phát triển các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu trên hệ thống thông tin truyền thông của tỉnh. Tăng cường đưa tin, bài về các hoạt động đào tạo, chuyển giao, triển khai các kỹ thuật, đầu tư của tỉnh cho công tác phát triển y tế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.8. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá

- Xây dựng kế hoạch, công cụ để kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai các nhóm kỹ thuật cao theo từng giai đoạn của Đề án.

- Hàng năm kiểm tra, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh các hoạt động phù hợp với thực tiễn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng số kinh phí thực hiện Đề án: Dự kiến 1.000.000.000.000 đồng (*Một nghìn tỷ đồng*); đây là kinh phí khái toán, tùy thuộc nhiệm vụ triển khai để xây dựng dự toán chi tiết trình các cấp thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

1. Dự kiến ngân sách trung ương hỗ trợ: 519.878.026.000đ (*Năm trăm mười chín tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng*), phục vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây mới, mở rộng cơ sở hạ tầng, mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ việc thực hiện, duy trì thực hiện các kỹ thuật, phát triển thêm các kỹ thuật đáp ứng quy mô điều trị tăng cao và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân khi các dịch vụ kỹ thuật cao, chuyên sâu phát triển mạnh, thu hút người dân trong tỉnh, ngoài tỉnh; gồm:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nội dung thực hiện	Phân kỳ Đầu tư kinh phí từ năm 2026 - 2028
Xây mới khu nhà điều trị nội trú và hệ thống phụ trợ cho Bệnh viện Mắt	70.000.000
Xây mới, nâng cấp Khu nhà khám chữa bệnh - Trung tâm kỹ thuật cho Bệnh viện Y học cổ truyền	150.000.000
Mua sắm, lắp đặt bổ sung trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	299.878.026
Tổng số:	519.878.026

2. Kinh phí từ ngân sách tỉnh phục vụ mua sắm trang thiết bị: 302.244.945.000 đồng (*Ba trăm linh hai tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi năm ngàn đồng*), trong đó:

- Kinh phí nguồn chi thường xuyên: 48.236.980.000đ (*Bốn mươi tám tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng*).

- Kinh phí nguồn đầu tư công: 254.007.965.000đ (*Hai trăm năm mươi tư tỷ, bảy triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nguồn kinh phí	Phân kỳ đầu tư kinh phí			
	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Nguồn chi thường xuyên	48.236.980	0	0	0
Nguồn đầu tư công	0	73.850.000	82.807.965	97.350.000
Tổng số:	48.236.980	73.850.000	82.807.965	97.350.000

3. Kinh phí từ quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị phục vụ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: 177.877.029.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm hai chín ngàn đồng).

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nội dung thực hiện	Phân kỳ đầu tư kinh phí				
	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Đào tạo	1.396.000	1.708.000	1.946.000	340.000	895.000
Chuyển giao KT	0	1.172.100	910.400	251.600	546.500
Cơ sở hạ tầng	0	2.500.000	60.000.000	61.000.000	0
Trang thiết bị	7.621.429	28.730.000	2.860.000	6.000.000	
Tổng số:	9.017.429	34.110.100	65.716.400	67.591.600	1.441.500

(Chi tiết tại Phụ lục 5,6,7,8,9,10,11)

Phần thứ tư HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả về an sinh xã hội

Việc thực hiện Đề án giúp nâng lực các đơn vị y tế tuyến tỉnh của Thái Bình phát triển mạnh mẽ. Các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu được triển khai ngay tại tỉnh sẽ cung cấp được các dịch vụ kỹ thuật về y tế dự phòng bệnh tật, KCB chuyên sâu hiện đại, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe của người dân và các nhu cầu về kiểm nghiệm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình và cả khu vực các địa phương lân cận. Cụ thể:

- Nâng cao chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt: Thực hiện ngoại kiểm đầy đủ các thông số chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; không phải thuê các đơn vị khác ở ngoài tỉnh như hiện nay, giúp nâng cao tính chủ động trong thực hiện, xử lý kịp thời những sự cố bất thường về chất lượng nước. Đồng thời, giúp ngoại kiểm, giám sát chủ động, thường xuyên, liên tục chất lượng nước của 73 cơ sở cung cấp nước sạch với 100% hộ gia đình sử dụng nước do các cơ sở này cung cấp và nhiều đơn vị có các bể cấp nước tập trung (như các khu chung cư, trường học lớn, bệnh viện...), kịp thời xử lý các vấn đề bất thường, đảm bảo chất lượng nước phục vụ sinh hoạt của nhân dân, đảm bảo an toàn sức khỏe cộng đồng dân cư rộng lớn sử dụng nước.

- Tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm: các kỹ thuật xét nghiệm về thực phẩm giúp xác định chất lượng, cung cấp bằng chứng cho các cơ quan quản lý nhà

nước để chứng minh sản phẩm thực phẩm tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng; giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm kiểm soát chất lượng sản phẩm tốt hơn và cung cấp thông tin làm căn cứ để người tiêu dùng hiểu về chất lượng và mức dinh dưỡng mà sản phẩm có thể cung cấp; giúp xác định nguyên nhân của các vụ ngộ độc thực phẩm để có biện pháp xử trí và phòng ngừa kịp thời; đồng thời, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa xã hội và nếp sống văn minh.

- Phòng, chống bệnh nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe cho người lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và toàn thể dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác dự phòng bệnh tật, nâng cao chất lượng cuộc sống: Việc triển khai các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu giúp tăng khả năng dự phòng bệnh tật, phát hiện sớm các nguy cơ gây bệnh tật, phát hiện bệnh tật ở giai đoạn sớm, giảm thiểu các ảnh hưởng xấu tới sức khỏe, giúp tăng khả năng cứu sống người bệnh trong các bệnh cảnh nguy kịch, giảm tỷ lệ tử vong, hạn chế tình trạng tàn phế, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh.

- Đảm bảo tính công bằng trong chăm sóc sức khỏe: Thái Bình là tỉnh nông nghiệp, đa số người dân có thu nhập trung bình thấp; các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu về y tế thực hiện tại tỉnh là điều kiện để nâng cao tính công bằng trong sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cho nhân dân, góp phần thực hiện chiến lược tăng trưởng xoá đói giảm nghèo, an sinh xã hội. Thông qua Đề án, tất cả người dân, bao gồm cả người nghèo, người có thu nhập thấp đều có điều kiện tiếp cận các dịch vụ y tế công nghệ tiên tiến, chất lượng cao.

2. Hiệu quả về kinh tế

Bên cạnh những tác động quan trọng, tích cực về an sinh xã hội do Đề án mang lại trong công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân; Đề án được thực hiện còn mang tới những hiệu quả kinh tế lớn, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Thái Bình, nâng cao vị thế của tỉnh trong bản đồ khu vực:

- Tăng hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên tòa nhà mới được Bộ Y tế và tỉnh Thái Bình đầu tư xây dựng (tổng mức đầu tư 225 tỷ đồng, 50 phòng diện tích 3.300m² sàn xây dựng), phát huy tối đa hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu đề ra của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế.

- Tiết kiệm kinh phí chi cho hoạt động ngoại kiểm, nội kiểm chất lượng nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt; đồng thời giữ được kinh phí khoảng 9 tỷ/năm tại tỉnh phục vụ cho hoạt động tái đầu tư và nâng cao năng lực tự chủ¹⁹

¹⁹ Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, đến năm 2025, hoạt động ngoại kiểm chất lượng nước phải thực hiện đủ 99 thông số, kinh phí khoảng 4,5 tỷ đồng/năm. Việc triển khai các kỹ thuật chuyên sâu về nước tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật sẽ giúp tiết kiệm tối đa các chi phí này; ước tính, mỗi năm ngân sách tỉnh chỉ phải chi khoảng 0,5 tỷ đồng cho việc mua hóa chất xét nghiệm, tiết kiệm được 4 tỷ đồng. Đồng thời, sẽ giữ được khoảng 5 tỷ đồng/năm tại tỉnh do các cơ sở cấp nước hiện nay đang phải chi thuê các cơ sở xét nghiệm tỉnh ngoài thực hiện xét nghiệm nội kiểm.

Ngoài ra, việc triển khai các kỹ thuật chuyên sâu về nước có thể thu hút được các cơ quan, doanh nghiệp của tỉnh khác ký hợp đồng với tỉnh Thái Bình để thực hiện nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước, từ đó làm tăng hiệu quả kinh tế, góp phần phát triển kinh tế, an sinh xã hội.

- Giảm chi phí xét nghiệm phát hiện mối nguy an toàn thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế²⁰:

- Góp phần ổn định sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh thông qua việc tăng cường năng lực trong lĩnh vực quản lý sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, phát hiện các mối nguy, dự phòng sớm bệnh tật cho người lao động.

- Tăng nguồn thu KCB bảo hiểm y tế (BHYT) hàng trăm tỷ mỗi năm từ người bệnh tỉnh ngoài (năm 2022: 99,6 tỷ đồng, năm 2023: 125,7 tỷ đồng)²¹: Đề án được thực hiện sẽ giúp triển khai thêm các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu tại các đơn vị y tế, nâng cao uy tín, thương hiệu của các cơ sở y tế tỉnh Thái Bình, từ đó tiếp tục thu hút thêm nhiều người dân tỉnh ngoài đến KCB tại tỉnh, tiếp tục thu được nguồn kinh phí hàng trăm tỷ mỗi năm và dự kiến nguồn kinh phí này sẽ tăng cao hơn trong những năm sau. Cùng với đó sẽ giúp kích cầu phát triển các dịch vụ phục vụ người dân tỉnh ngoài đến với Thái Bình, tăng thêm kinh tế từ các nguồn thu phục vụ nhóm đối tượng này.

- Giữ được nguồn kinh phí KCB BHYT khoảng 700 tỷ đồng mỗi năm trên nhóm người bệnh tỉnh Thái Bình đi KCB tại tỉnh ngoài (năm 2022: 719 tỷ đồng, năm 2023: 784 tỷ đồng): Đề án được thực hiện sẽ làm tăng năng lực của các cơ sở y tế, chất lượng KCB nâng lên sẽ đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh, thu hút được người dân, người bệnh đến KCB tại các cơ sở trong tỉnh, về lâu dài sẽ giữ được nguồn kinh phí này tại tỉnh, góp phần phát triển kinh tế của tỉnh và tái đầu tư phát triển các cơ sở y tế.

- Tiết kiệm quỹ KCB BHYT và chi phí tiền túi của người dân do phải đi KCB tại tuyến trung ương do giá dịch vụ y tế của các đơn vị y tế tuyến tỉnh thấp hơn nhiều so với giá dịch vụ của đơn vị y tế tuyến trung ương²².

- Giảm các chi phí gián tiếp cho người bệnh và gia đình (chi phí vận chuyển, đi lại, sinh hoạt và các chi phí phát sinh trong quá trình điều trị tại tuyến

²⁰ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 8.700 các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chế biến thực phẩm, nhà hàng dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và nhiều sản phẩm OCOP là thực phẩm cần phải được kiểm nghiệm, tuy nhiên do năng lực trong lĩnh vực này còn hạn chế nên đa số mẫu kiểm nghiệm các cơ sở đều phải gửi lên các đơn vị ở Trung ương, mất nhiều thời gian mới có kết quả và tốn kém chi phí.

²¹ Công văn của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình (số 199/BHXH-GĐBHYT ngày 19/01/2023 về việc báo cáo công tác KCB BHYT năm 2022; số 162/BHXH-GĐBHYT ngày 19/01/2024 về việc báo cáo công tác KCB BHYT năm 2023): số lượt người bệnh có thẻ BHYT của tỉnh ngoài đến KCB tại tỉnh Thái Bình năm 2022 là 134.595 lượt, tổng chi phí Cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) thanh toán cho các cơ sở y tế tỉnh Thái Bình là 99,6 tỷ đồng (tăng 25.638 lượt bằng 23,5%, số tiền tăng 17 tỷ đồng bằng 20,6% so với năm 2021); năm 2023 là 162.128 lượt, chi phí thanh toán là 125,7 tỷ đồng (tăng 27.533 lượt bằng 20,5%, số tiền tăng 26,1 tỷ đồng bằng 26,1% năm 2023).

²² Thông tư 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 Quy định thống nhất giá dịch vụ KCB BHYT giữa các BV cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí KB, CB trong một số trường hợp.

trung ương); hạn chế những chi phí cơ hội do nghỉ việc, không tham gia lao động sản xuất trong quá trình điều trị hoặc chăm sóc người nhà nằm viện; giảm tỷ lệ tử vong và tàn phế, giảm gánh nặng kinh tế liên quan tới tử vong và tàn phế cho gia đình người bệnh và cho xã hội; bảo đảm sự phục hồi nhanh về tình trạng sức khoẻ, tạo điều kiện cho người bệnh có cơ hội tiếp tục lao động, từ đó góp phần làm tăng kinh tế gia đình và phát triển kinh tế xã hội.

- Tiết kiệm chi phí điều trị cho người bệnh: Việc áp dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu trong điều trị sẽ làm giảm thời gian điều trị, giảm các chi phí điều trị, giảm các chi phí liên quan tới việc sử dụng ngày, giường bệnh, thuốc, vật tư y tế, giảm các chi phí điều trị liên quan đến nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện và nguy cơ sự cố y khoa.

3. Tính bền vững của Đề án, hiệu quả trong thúc đẩy phát triển chuyên môn lĩnh vực khác và phát triển các đơn vị y tế khác

- Các trang thiết bị được đầu tư sẽ được khai thác sử dụng cho các kỹ thuật khác và phối hợp triển khai các hoạt động trong lĩnh vực khác như kiểm nghiệm dược phẩm và thực phẩm chức năng, quan trắc môi trường, pháp y, kỹ thuật hình sự, nông nghiệp...

- Các kỹ thuật được thực hiện trong Đề án là những kỹ thuật có tính ứng dụng thực tế cao, là kỹ thuật khó. Khi làm chủ được các kỹ thuật này, đội ngũ cán bộ y tế của các chuyên ngành tương ứng cũng sẽ ứng dụng để phát triển và thực hiện nhiều kỹ thuật khác có liên quan.

- Việc triển khai thành công kỹ thuật tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh của Thái Bình là cơ sở để có thể nhân rộng, chuyển giao kỹ thuật cho các đơn vị khác, giúp nâng cao năng lực chuyên môn của các đơn vị y tế; đồng thời, góp phần nâng cao năng lực của các đơn vị trong nghiên cứu khoa học để trực tiếp và phối hợp triển khai các đề tài, dự án khoa học có chất lượng và tính ứng dụng cao.

- Năng lực các đơn vị y tế sẽ được nâng cao, tạo dựng uy tín, thu hút được các cơ quan, đơn vị, người dân trong tỉnh, ngoài tỉnh đến để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật; từ đó, tạo điều kiện phát triển kỹ thuật hơn nữa, tăng thu nhập, tăng khả năng tự chủ, tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn và thu hút, giữ chân được cán bộ trình độ cao.

- Các đơn vị y tế tuyến tỉnh phát triển mạnh sẽ góp phần nâng cao năng lực của các cơ sở y tế tuyến dưới thông qua các hoạt động giám sát, hỗ trợ, đào tạo, chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật cho tuyến huyện và xã; trở thành cơ sở thực hành chuyên sâu để đào tạo, hỗ trợ phát triển chuyên môn đối với tuyến dưới và các đối tượng học viên, sinh viên của các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận; góp phần nâng cao năng lực Ngành y tế nói chung và Ngành Y tế Thái Bình nói riêng.

- Đề án triển khai sẽ đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế với chất lượng cao hơn, giảm số ngày điều trị nội trú, giảm số người bệnh chuyển lên tuyến trung ương giúp giảm tải cho các bệnh viện trung ương; đồng thời, các bệnh viện



tuyển tỉnh của Thái Bình có khả năng tiếp nhận điều trị thêm người bệnh từ các cơ sở KCB trong tỉnh, ngoài tỉnh, giúp cho hệ thống phân tuyến hoạt động theo chức năng hơn, hiệu quả hơn, đảm bảo tối đa quyền lợi của người bệnh, đặc biệt là người bệnh nghèo, người bệnh có hoàn cảnh khó khăn.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện Đề án và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và các Sở, ngành liên quan rà soát, đề xuất bố trí nhân lực, nguồn kinh phí đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo để triển khai các kỹ thuật.

- Tổng hợp những khó khăn vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu Ngành Y tế vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công thực hiện Đề án, các chương trình, dự án tăng cường cơ sở vật chất các đơn vị y tế thuộc cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Đề án đã được phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định hỗ trợ kinh phí thu hút, đào tạo nhân viên y tế.

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục thực hiện chính sách thu hút công chức, viên chức y tế từ nơi khác về công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, tham mưu tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, đề xuất giải pháp đối với các nội dung: Thu hút, đào tạo nhân lực y tế.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân lực ngành y tế của tỉnh hàng năm và giai đoạn.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Phối hợp ký hợp đồng, bổ sung hợp đồng KCB BHYT để đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế được thụ hưởng các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu tại tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các tổ chức có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực y được nhằm nghiên cứu, đánh giá và ứng dụng phát triển các kỹ thuật của Đề án.

7. Sở lao động – Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện áp dụng các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu của Đề án nhằm nâng cao năng lực kiểm soát, đánh giá, phòng, chống bệnh nghề nghiệp đối với người lao động.

- Tăng cường phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến việc triển khai các kỹ thuật chuyên sâu về Bệnh nghề nghiệp đến người sử dụng lao động và người lao động trên địa bàn tỉnh”.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Thái Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, tuyên truyền về chủ trương đầu tư của tỉnh để phát triển ngành y tế, thông tin tới người dân các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu đã được thực hiện tại các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh.

9. Các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ nội dung Đề án và chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế để tổ chức thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả.

10. Các đơn vị Y tế thực hiện Đề án

- Căn cứ vào Đề án “Phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu ngành Y tế Thái Bình giai đoạn 2024-2028” được UBND tỉnh phê duyệt, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cụ thể theo từng năm và giai đoạn, đề xuất nguồn kinh phí đảm bảo triển khai Đề án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ động phối hợp với các Viện, Bệnh viện tuyến Trung ương, các sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của Đề án; kịp thời tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để đảm bảo việc triển khai đề án đạt hiệu quả.

- Chủ động cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện, chuẩn quốc gia về Y tế dự phòng ưu tiên cải tiến các điều kiện phục vụ người bệnh và chuẩn bị tốt nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị,... để tiếp nhận các hỗ trợ chuyên môn từ tuyến trên./.

Phụ lục 1

**THỰC TRẠNG CHUYỂN TUYÊN NGƯỜI BỆNH TỪ CÁC BỆNH VIỆN TUYẾN TỈNH THÁI BÌNH
LÊN BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2020 – 2023**

STT	Đơn vị y tế	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
	Tổng số:	19.497		16.153		23.439		25.365	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	12.983	66,59	11.053	68,43	16.882	72,03	18.255	71,97
2	Bệnh viện Nhi	2.622	13,45	1.802	11,16	2.664	11,37	2.762	10,89
3	Bệnh viện Phụ sản Thái Bình	1.536	7,88	1.438	8,90	1.584	6,76	1.855	7,31
4	Bệnh viện Mắt Thái Bình	674	3,46	545	3,37	858	3,66	840	3,31
5	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình	437	2,24	338	2,09	378	1,61	468	1,85
6	Bệnh viện Da liễu Thái Bình	895	4,59	608	3,76	701	2,99	800	3,15
7	Các bệnh viện khác	350	1,80	369	2,28	372	1,59	385	1,52

Phụ lục 2

**SỐ LƯỢT CHUYỂN TUYỂN LÊN BV TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2020 – 2023
CÁC BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN KỸ THUẬT CAO, KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU**

STT	Bệnh chuyển tuyển liên quan đến kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	TỔNG SỐ:	4.902	4.437	5.459	6.259
I.	BVĐK TỈNH	1.342	1.122	1.534	1.545
1	Bệnh lý tim mạch, hô hấp liên quan đến kỹ thuật Tim phổi nhân tạo (ECMO)	36	105	269	217
2	Bệnh u gan có liên quan đến các kỹ thuật Cắt gan	321	263	234	231
3	Nhóm bệnh liên quan Kỹ thuật Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần trước đa giác Willis	91	99	141	124
4	Phẫu thuật điều trị lóc động mạch chủ type A và PT thay đoạn động mạch chủ bụng trên và dưới thận	36	40	28	43
5	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng trên và dưới thận	9	12	15	14
6	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch	2	5	3	2
7	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo	8	9	5	6
8	Bệnh tim do xơ vữa động mạch vành có liên quan kỹ thuật khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch	2	4	1	3
9	Bệnh lý tim mạch, sốc liên quan đến kỹ thuật đặt bóng đối xung động mạch chủ	30	40	78	77
10	Bệnh lý rối loạn nhịp tim liên quan kỹ thuật thăm dò điện sinh lý tim	3	3	6	21
11	Bệnh u ác dạ dày, loét dạ dày liên quan kỹ thuật PTNS cắt đoạn/ toàn bộ dạ dày (miệng nối trong ổ bụng)	288	172	245	249
12	Bệnh u ác đại tràng liên quan kỹ thuật PTNS cắt đại tràng, trực tràng + nạo vét hạch (miệng nối trong ổ bụng)	516	370	509	558

II.	BV PHỤ SẢN	1.536	1.438	1.584	1.855
1	Ung thư vú – Phụ khoa	1.474	1.393	1.543	1.824
2	Sơ sinh non tháng	62	45	41	31
III.	BV MẮT	654	518	823	806
1	Dịch kính võng mạc	609	480	768	749
2	Thủy tinh thể	20	14	21	18
3	Glocom	15	15	18	24
4	Tật khúc xạ	10	9	16	15
IV.	BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH	279	325	354	424
1	Thông liên thất có chỉ định phẫu thuật	21	15	30	28
2	Thông liên nhĩ có chỉ định phẫu thuật	18	21	26	32
3	Tử chứng Fallot có chỉ định phẫu thuật	32	28	35	40
4	Thất bại 2 đường ra có chỉ định phẫu thuật	10	8	16	14
5	Phá vách liên nhĩ	15	12	20	25
6	Hẹp van động mạch phổi	20	25	26	31
7	Hạ thân nhiệt chủ động	10	12	13	15
8	Lọc máu liên tục (CRRT)	25	31	35	30
9	Thay máu sơ sinh	25	24	23	30
10	Tim phổi nhân tạo (ECMO)	12	21	25	35
11	Đo áp lực các buồng tim	16	18	22	23
12	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn		21		13
13	Dẫn lưu não thất cấp cứu	20	20	16	18
14	Não úng thủy có chỉ định dẫn lưu não thất màng bụng	10	10	14	15
15	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não		11		
16	Phẫu thuật vết thương sọ não hở	20	20	26	35
17	Mổ lấy khối máu tụ nội sọ do chấn thương sọ não phức tạp			7	5
18	Lỡm lỏng ngực	25	28	20	35

V.	BỆNH VỆN DA LIỄU THÁI BÌNH	654	696	786	1161
1	Bớt máu bẩm sinh, bớt rượu vang...	20	22	31	45
2.	Bớt sắc tố bẩm sinh, phức tạp	18	26	21	28
3.	Xoá xăm nhiều màu mực (Đỏ, đen xanh lá, xanh da trời)	21	18	11	34
4	Trứng cá đỏ, giãn mạch máu vùng mặt, cổ	12	22	35	52
5	Mày đay	583	608	688	1002
VI.	BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN	437	338	378	468
1	Di chứng tai biến mạch máu não	123	73	59	65
2	Thiếu máu	7	14	17	25
3	Tổn thương do gãy xương	0	3	1	18
4	Mất ngủ kéo dài	1	0	0	0
5	Rối loạn tiền đình	1	4	0	0
6	Các loại tổn thương do đái tháo đường	168	169	206	246
7	Viêm da cơ địa	3	0	1	1
8	Đau cột sống cấp và mạn tính	32	21	23	9
9	Thoái hóa khớp	41	12	23	38
10	Tổn thương dây thần kinh hông ngoại biên và bệnh lý thần kinh	39	23	35	52
11	Đau nửa đầu	20	19	13	14
12	Tự kỷ trẻ em	2	0	0	0

**DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CAO, KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU
TRIỂN KHAI TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH, GIAI ĐOẠN 2024 - 2028**

STT	TT theo chuyên ngành	Tên dịch vụ KT	Năm thực hiện
I.		NHÓM XÉT NGHIỆM CHUYÊN SÂU VỀ NƯỚC	
1	1	Xác định hàm lượng Bo trong nước	2026
2	2	Xác định hàm lượng Nhôm Al	2026
3	3	Xác định hàm lượng xyanua trong nước	2026
4	4	Phân tích Benzen trong nước	2026
5	5	Phân tích phenol và dẫn xuất của phenol trong nước	2026
6	6	Phân tích styren trong nước	2026
7	7	Phân tích oluen trong nước	2026
8	8	Phân tích hàm lượng Carbofuran trong nước	2026
9	9	Phân tích hàm lượng MCPA trong nước	2026
10	10	Phân tích hàm lượngPropanil trong nước	2026
11	11	Phân tích hàm lượng Chlorpyrifos trong nước	2026
12	12	Phân tích hàm lượng Cyanazine	2026
13	13	Phân tích hàm lượng Hydroxyatrazine trong nước	2026
14	14	Phân tích hàm lượng Chloroform trong nước	2026
15	15	Phân tích hàm lượng dibromochlomethane trong nước	2026
16	16	Phân tích hàm lượng Monochloroacetic acid trong nước	2026
17	17	Phân tích hàm lượng Trichloroacetoneitril	2026
18	18	Phân tích hàm lượng Bromodichloromethane trong nước	2026
19	19	Phân tích hàm lượng Bromoform trong nước	2026
20	20	Phân tích hàm lượng Monocholamine trong nước	2026
21	21	Xác định hàm lượng sunfua	2027
22	22	Phân tích hàm lượng 1,1,1 Tricloroetan trong nước	2027
23	23	Phân tích hàm lượng 1,2 Dicloroetan trong nước	2027
24	24	Phân tích hàm lượng 1,2 dicloroeten trong nước	2027
25	25	Phân tích hàm lượng Carbontetraclorua trong nước	2027
26	26	Phân tích hàm lượng diclorometan trong nước	2027
27	27	Phân tích hàm lượng tetracloroeten trong nước	2027
28	28	Phân tích hàm lượng Vinyl chlorua trong nước	2027
29	29	Phân tích hàm lượng tricloroeten trong nước	2027
30	30	Phân tích Xylen trong nước	2027
31	31	Phân tích hợp chất 1,2 Dichlorobenzen trong nước	2027
32	32	Phân tích hợp chất Monoclorobenzen trong nước	2027
33	33	Phân tích hợp chất Triclorobenzen trong nước	2027
34	34	Phân tích hợp chất Aryclamid trong nước	2027
35	35	Phân tích hợp chất Epiclohydrin trong nước	2027
36	36	Phân tích hợp chất Hexacloro butadien trong nước	2027
37	37	Phân tích hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan trong nước	2027
38	38	Phân tích hàm lượng 1,2 - Dicloropropan trong nước	2027

THAI

39	39	Phân tích hàm lượng 1,3 - Dichloropropen trong nước	2027
40	40	Phân tích hàm lượng 2,4 - D trong nước	2027
41	41	Phân tích hàm lượng 2,4 - DB trong nước	2027
42	42	Phân tích hàm lượng Alachlor trong nước	2027
43	43	Phân tích hàm lượng Aldicarb trong nước	2027
44	44	Phân tích hàm lượng Clodane trong nước	2027
45	45	Phân tích hàm lượng Clorotoluron trong nước	2027
46	46	Phân tích hàm lượng Dichloprop trong nước	2027
47	47	Phân tích hàm lượng Fenoprop trong nước	2027
48	48	Phân tích hàm lượng Mecoprop trong nước	2027
49	49	Phân tích hàm lượng Molinate trong nước	2027
50	50	Phân tích hàm lượng Pendimetalin trong nước	2027
51	51	Phân tích hàm lượng Isoproturon trong nước	2028
52	52	Phân tích hàm lượng Trifuralin trong nước	2028
53	53	Phân tích hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine trong nước	2028
54	54	Phân tích hàm lượng DDT và các dẫn xuất trong nước	2028
55	55	Phân tích hàm lượng Methoxychlor trong nước	2028
56	56	Phân tích hàm lượng Simazine trong nước	2028
57	57	Phân tích hàm lượng Permethrin trong nước	2028
58	58	Phân tích hàm lượng 2,4,6 - Trichlorophenol trong nước	2028
59	59	Phân tích hàm lượng Bromat trong nước	2028
60	60	Phân tích hàm lượng Dibromoacetonitrile trong nước	2028
61	61	Phân tích hàm lượng Dichloroacetonitrile trong nước	2028
62	62	Phân tích hàm lượng Formaldehyde trong nước	2028
63	63	Phân tích hàm lượng Trichloroacetic acid trong nước	2028
64	64	Phân tích hàm lượng Dicloroacetic acid trong nước	2028
65	65	Phân tích hàm lượng Etylbenzen trong nước	2028
66	66	Phân tích hoạt độ phóng xạ alpha trong nước	2028
67	67	Phân tích hoạt độ phóng xạ beta trong nước	2028
II NHÓM XÉT NGHIỆM CHUYÊN SÂU VỀ THỰC PHẨM			
68	1	Xác định hàm lượng kim loại Bo, antimon, selen, thiếc trong thực phẩm bằng phương pháp ICP-MS	2027
69	2	Xác định hàm lượng Asen, Chì, Cadimin, Thủy Ngân trong thực phẩm	2027
70	3	Xác định hàm lượng Cr (6+) trong thực phẩm	2027
71	4	Xác định hàm lượng Cd, Pb thôi nhiễm	2027
72	5	xác định hàm lượng nhóm salbutamol trong thịt và sản phẩm từ thịt	2027
73	6	Phân tích nhóm hóa chất bảo vệ thực vật cơ clo trong rau quả tươi	2027
74	7	Phân tích nhóm hóa chất bảo vệ thực vật phosphor hữu cơ trong, nông sản	2027
75	8	Xác định hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật họ Carbamat trong sản phẩm nông sản	2027
76	9	Xác định hóa chất bảo vệ thực vật họ Cúc (Perithroid) trong nông sản	2027
III NHÓM XÉT NGHIỆM KHÍ THẢI, ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG			
77	1	Xác định nồng độ bụi silic trong môi trường lao động	2028

78	2	Xác định nồng độ bụi silic tự do trong môi trường lao động	2028
79	3	Xác định nồng độ hợp chất dễ cháy VOC	2028
80	4	Xác định các hợp chất dung môi hữu cơ trong môi trường lao động	2028
81	5	Phân tích hợp chất formaldehyde trong môi trường lao động	2028
82	6	Phân tích nhóm hợp chất benzen và đồng đẳng	2028
IV	NHÓM XÉT NGHIỆM CHUYÊN SÂU VỀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP		
83	1	Xét nghiệm nhiễm Asen trong máu, nước tiểu	2028
84	2	Xét nghiệm nhiễm độc Benzen và đồng đẳng	2028
85	3	Xét nghiệm nhiễm độc Mangan trong nước tiểu	2028
86	4	Xét nghiệm nhiễm độc thủy ngân trong máu, nước tiểu	2028
87	5	Xét nghiệm nhiễm nicotin niệu	2028
V	NHÓM XÉT NGHIỆM CHUYÊN SÂU PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH		
88	1	Xét nghiệm giải trình tự gene virus định danh	2028

Phụ lục 4

**DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CAO, KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU TRIỂN KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH,
GIAI ĐOẠN 2024 – 2028**

STT	TT theo chuyên ngành	Tên dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị thực hiện	Phân tuyến kỹ thuật	Phân loại kỹ thuật (PĐB= Phẫu thuật loại đặc biệt; TĐB= Thủ thuật loại đặc biệt; P1= Phẫu thuật loại 1; T1= Thủ thuật loại 1)	Năm thực hiện
I.	CHUYÊN NGÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU, HỒI SỨC CẤP CỨU TRẺ EM					
	HỒI SỨC CẤP CỨU					
1	1	Tim phổi nhân tạo (ECMO) cấp cứu tại giường trong hỗ trợ suy hô hấp cấp ≤ 8 giờ	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
2	2	Tim phổi nhân tạo (ECMO) cấp cứu tại giường trong hỗ trợ suy tuần hoàn cấp ≤ 8 giờ	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
	HỒI SỨC CẤP CỨU TRẺ EM					
3	1	Tim phổi nhân tạo (ECMO)	BV Nhi	Trung ương	PĐB	2025
4	2	Hạ thân nhiệt chủ động	BV Nhi	Trung ương	T1	2025
5	3	Lọc máu liên tục (CRRT)	BV Nhi	Tỉnh	TĐB	2025
6	4	Thay máu sơ sinh	BV Nhi	Tỉnh	TĐB	2025
7	5	Siêu lọc máu tái hấp phụ phân tử (gan nhân tạo) (MARS)	BV Nhi	Tỉnh	TĐB	2025
II.	CHUYÊN NGÀNH CAN THIỆP TIM MẠCH, CAN THIỆP TIM MẠCH TRẺ EM					
	CAN THIỆP TIM MẠCH					
8	1	Khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch	BVĐK tỉnh	Trung ương	TĐB	2025

9	2	Đặt bóng đối xung động mạch chủ	BVĐK tỉnh	Trung ương	TĐB	2025
10	3	Thăm dò điện sinh lý tim	BVĐK tỉnh	Trung ương	TĐB	2025
CAN THIỆP TIM MẠCH TRẺ EM						
11	4	Phá vách liên nhĩ	BV Nhi	Trung ương	TĐB	2025
12	5	Nong van động mạch phổi	BV Nhi	Trung ương	TĐB	2025
III. CHUYÊN NGÀNH PHẪU THUẬT TRÊN TRẺ EM						
PHẪU THUẬT TIM MẠCH TRẺ EM						
13	1	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên thất	BV Nhi	Tỉnh	PĐB	2026
14	2	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh thông liên nhĩ	BV Nhi	Tỉnh	PĐB	2026
15	3	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh thất phải hai đường ra	BV Nhi	Trung ương	PĐB	2026
16	4	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh tứ chứng Fallot	BV Nhi	Tỉnh	PĐB	2025
17	5	Phẫu thuật chữa tạm thời tứ chứng Fallot	BV Nhi	Tỉnh	P1	2025
18	6	Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot	BV Nhi	Tỉnh	PĐB	2025
PHẪU THUẬT LÒNG NGỰC TRẺ EM						
19	7	Phẫu thuật nội soi điều trị lõm lồng ngực (Kỹ thuật Nuss)	BV Nhi	Trung ương	P1	2028
20	8	Phẫu thuật cắt phổi biệt lập ngoài thùy phổi	BV Nhi	Tỉnh	P1	2028
21	9	Phẫu thuật nội soi điều trị teo thực quản bẩm sinh	BV Nhi	Trung ương	PĐB	2028
PHẪU THUẬT SỌ NÃO TRẺ EM						
22	10	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - màng bụng	BV Nhi	Tỉnh	PĐB	2026
23	11	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não	BV Nhi	Tỉnh	PĐB	2026
IX. CHUYÊN NGÀNH NGOẠI VÀ PHẪU THUẬT NỘI SOI						
NGOẠI						
24	1	Cắt nhiều hạ phân thùy gan	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025

25	2	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần trước đa giác Willis	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
26	3	Phẫu thuật điều trị lóc động mạch chủ type A	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2027
27	4	Phẫu thuật thay động mạch chủ lên, quai động mạch chủ và động mạch chủ xuống	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2027
28	5	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng trên và dưới thận	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2027
29	6	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo	BVĐK tỉnh	tỉnh	PĐB	2027
PHẪU THUẬT NỘI SOI						
30	7	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
31	8	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
32	9	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn+ nạo vét hạch+ nạo vét hạch	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
33	10	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch	BVĐK tỉnh	Trung ương	PĐB	2025
V CHUYÊN NGÀNH MẮT						
34	1	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	BV Mắt	Tỉnh	PĐB	2028
35	2	Phẫu thuật cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	BV Mắt	Tỉnh	P1	2028
36	3	Phẫu thuật Cắt dịch kính bóc màng trước võng mạc	BV Mắt	Trung ương	PĐB	2028
37	4	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điển	BV Mắt	Tỉnh	P1	2028
38	5	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	BV Mắt	Tỉnh	PĐB	2028
39	6	Phẫu thuật Laser excimer điều trị tật khúc xạ	BV Mắt	Tỉnh	P1	2028
40	7	Đo công suất thể thủy tinh	BV Mắt			2028
VI CHUYÊN NGÀNH UNG THƯ VÚ – PHỤ KHOA						
41	1	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025

42	2	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
43	3	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
44	4	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
45	5	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
46	6	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
47	7	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
48	8	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
49	9	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
50	10	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	BV Phụ sản	Trung ương	PĐB	2025
VII. CHUYÊN NGÀNH HỖ TRỢ SINH SẢN						
51	1	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
52	2	Trữ lạnh phôi, noãn	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
53	3	Hỗ trợ phôi nở	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
54	4	Chọc hút noãn	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
55	5	Chuyển phôi	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
56	6	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
57	7	Nuôi cấy phôi	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
58	8	Rã đông phôi, noãn	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
59	9	Chọc hút tinh hoàn, mào tinh hoàn lấy tinh trùng	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
60	10	Phẫu thuật lấy tinh trùng	BV Phụ sản	Trung ương	TĐB	2027
VIII. CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM						
61	1	Định lượng kháng thể kháng nhân và kháng thể kháng chuỗi kép (ANA&DsDNA)	BV Da liễu	Tỉnh		2028
62	2	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên hô hấp (đối với 1 dị nguyên)	BV Da liễu	Tỉnh		2028



63	3	Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên thức ăn (đối với 1 dị nguyên)	BV Da liễu	Tỉnh		2028
64	4	Công thức nhiễm sắc thể (NST) từ tế bào ói	BV Phụ sản	Trung ương		2026
65	5	FISH chẩn đoán NST 13, 18, 21, XY (chẩn đoán trước sinh)	BV Phụ sản	Trung ương		2026
66	6	PCR chẩn đoán trước sinh bệnh beta thalassemia	BV Phụ sản	Trung ương		2026
67	7	Định lượng anti b2GPI IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	BV Phụ sản	Trung ương		2026
68	8	Định lượng anti b2GPI IgM bằng phương pháp ELISA/ miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	BV Phụ sản	Trung ương		2026
69	9	Vi khuẩn định danh giải trình tự gene	TT KSBT tỉnh	Tỉnh		2028
70	10	Vi khuẩn kháng thuốc giải trình tự gene	TT KSBT tỉnh	Tỉnh		2028
IX.	CHUYÊN NGÀNH KHÁC					
	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
71	1	Điều trị bằng oxy cao áp	BV YHCT	Tỉnh	TĐB	2028
	DA LIỄU					
72	2	Điều trị u mạch máu, giãn mạch, chùng đỏ da bằng laser: YAG-KTP, Argon...	BV Da liễu	Tỉnh	TĐB	2028